

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HS-ST
Ngày: 16 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tuấn Chiến;
- Ông Vũ Văn Võ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày: 25/7/1998, tại xã H, tỉnh Tuyên Quang; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số: 008098006348; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn N, sinh năm 1976 và bà Phùng Thị H, sinh năm 1977; Vợ: Phan Thị C, sinh năm 2001. Hiện nay đều ở: thôn P, xã H, tỉnh Tuyên Quang; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 12/10/2025 đến ngày 18/10/2025. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 09 giờ 45 phút ngày 12/10/2025, tổ công tác của Công an xã Đ, tỉnh Phú Thọ đang làm nhiệm vụ tại khu Đ, xã Đ, tỉnh Phú Thọ phát hiện Phạm Văn T, sinh năm 1998 ở thôn P, xã H, tỉnh Tuyên Quang có biểu hiện nghi vấn tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy nên đã tiến hành kiểm tra. Tại chỗ, T tự nguyện lấy từ trong túi áo bên trái áo chống nắng màu đen T đang mặc giao nộp cho tổ công tác 03 gói nilon có đặc điểm màu trong suốt, được hàn kín các mép, một

mép có khuy bấm, có viền kẻ màu xanh đều có kích thước 2cm x 2cm bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, T khai là ma túy đá tàng trữ để sử dụng cho bản thân. Công an xã Đ đã lập biên bản làm việc đối với T và niêm phong vật chứng theo đúng quy định để gửi giám định. Quá trình làm việc còn thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92, dung lượng 128 GB, màu xanh dương có số IMEI 1: 862251053735151; IMEI 2: 862251053735144 lắp sim số 0398941131 và sim số 0986851005. Sau đó tổ công tác đã đưa T cùng toàn bộ vật chứng về trụ sở Công an xã Đ để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ.

Công an xã Đ đã tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Phạm Văn T, kết quả: T dương tính với ma túy loại Methamphetamine. Qua xác minh tại nơi cư trú của Phạm Văn T xác nhận T không trong diện theo dõi, quản lý cai nghiện, sau cai nghiện ma túy. Công an xã Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 12/01/2026 đối với T về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Cùng ngày 12/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P ra Quyết định trưng cầu giám định số: 9209/QĐ-CSMT yêu cầu giám định đối với chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 03 gói nilon thu giữ của Phạm Văn T. Tại bản kết luận giám định số 2652/KL-KTHS ngày 15/10/2025, Phòng K Công an tỉnh P kết luận:

“Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 03 túi nilon màu trong suốt, được hàn kín các mép, một mép có khuy bấm, có viền kẻ màu xanh, đều có kích thước là 2cmx2cm trong Bì niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng là: **0,334 gam**, loại **Methamphetamine**.

** Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, số thứ tự 247, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ”.*

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, Phạm Văn T khai nhận như sau: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 12/10/2025, do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy, Phạm Văn T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92 lắp sim số 0398941131 của T gọi đến số 0353821369 của Nguyễn Anh T1, sinh năm 2000 ở thôn G, xã H, tỉnh Tuyên Quang, qua điện thoại T hỏi mua của T1 1.000.000 đồng tiền ma túy đá. T1 đồng ý và hẹn T đến nhà của T1 để mua bán ma túy, sau đó T đón xe taxi (T không nhớ rõ biển số xe và hãng xe) đi đến nhà T1. Khi đến nơi T1 đưa T vào phòng riêng của T1. Tại đây T đưa cho T1 1.000.000 đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T1 đưa cho T 03 gói nilon có đặc điểm màu trong suốt, được hàn kín các mép, một mép có khuy bấm, có viền kẻ màu xanh bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể, T nhận 03 gói trên cất vào túi áo chống nắng bên trái màu đen đang mặc rồi đón taxi di chuyển về xã Đ, tỉnh Phú Thọ để sử dụng. Khi về đến quán ăn sáng ở ngã 3 khu Đ, xã Đ, T dừng để ăn sáng thì bị tổ công tác của Công an xã Đ kiểm tra, phát hiện thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Căn cứ vào lời khai của Phạm Văn T, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T và Nguyễn Anh T1 nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập Nguyễn Anh T1 để làm việc. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Anh T1 khai nhận bản thân không biết ai tên là Phạm Văn T, sinh năm 1998 ở thôn P, xã H, tỉnh Tuyên Quang. T1 không bán ma túy cho T vào ngày 12/10/2025 như T đã khai, đồng thời T1 cũng không sử dụng sim số 0353821369. Ngoài lời khai của T, không có chứng cứ nào khác. Cơ quan điều tra đã tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Nguyễn Anh T1, kết quả: Tuần âm tính với các chất ma túy.

Quá trình điều tra đã làm rõ chủ thuê bao sim số 0353821369 mà T khai đã liên hệ để mua ma túy ngày 12/10/2025 là của chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969 ở thôn C, xã B, tỉnh Phú Thọ, chị T2 đăng ký sim số điện thoại trên ngày 06/6/2019. Quá trình điều tra, chị T2 khai nhận chị đã làm rơi mất sim số điện thoại 0353821369 vào năm 2024, chị không quen biết Phạm Văn T và Nguyễn Anh T1.

Ngoài ra, tại cơ quan điều tra T còn khai nhận: Vào khoảng tháng 5/2025, T cùng người khác sử dụng trái phép chất ma túy ở khu vực tỉnh Tuyên Quang, nhưng do say rượu và lạ mặt nên T không rõ là ai và cụ thể ở đâu, không có tài liệu nào khác chứng minh hành vi này nên cơ quan điều tra không đề cập, xử lý. T còn khai ngày 09/10/2025, T đến trung tâm tỉnh T (không rõ địa chỉ cụ thể) gặp một người nam giới lái xe ôm, nhờ mua hộ 500.000 đồng ma túy đá, sau đó T tìm chỗ vắng người để sử dụng một mình hết. Đối với người nam giới lái xe ôm, do T khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKSKV5 ngày 28/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ đã truy tố Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo T từ 36 tháng đến 42 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 12/10/2025 đến 18/10/2025). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 01 túi niêm phong ký hiệu PS3: 24060357 của Phòng K Công an tỉnh P có 05 dấu tròn của Phòng K Công an tỉnh P, bên trong chứa 0,275 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định.

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92, dung lượng 128 GB, màu xanh dương có số IMEI 1: 862251053735151; IMEI 2: 862251053735144 lắp sim số 0398941131 và sim số 0986851005 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ đã nêu. Bị cáo không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát hay có ý kiến gì khác về tội danh, hình phạt, các vấn đề khác...

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo được sớm trở về với gia đình, vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, nhiệm vụ, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào hồi 09 giờ 45 phút ngày 12/10/2025, tại khu Đ, xã Đ, tỉnh Phú Thọ, Phạm Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,334 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng cho bản thân, thì bị kiểm tra, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm phạm trật tự trị an, an toàn xã hội, gây nên sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Tệ nạn ma túy đang có chiều hướng ngày càng gia

tăng, từ tội phạm về ma túy sẽ dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thành niên, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

Xét thấy hành vi nêu trên của Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, nội dung như sau:

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

c) Heroine, C1, Methamphetamine, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T theo nội dung bản Cáo trạng đã nêu là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về nhân thân: Bị cáo T không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, không có việc làm, không có thu nhập ổn định.

[4] Về tính chất mức độ, hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận đầy đủ, đúng sự thật, chính xác, rõ ràng về hành vi phạm tội của mình; thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi mình đã gây ra và mong muốn có cơ hội được sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành người tốt. Do đó, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt:

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo ở cùng bố mẹ đẻ, không có tài sản riêng có giá trị, không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự để phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A92, lắp 2 sim: xét không có căn cứ để xác định bị cáo sử dụng để mua ma túy, do đó cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với: Số ma túy còn lại sau giám định chứa trong 01 Túi niêm phong ký hiệu PS3: 24060357: Xét cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với lời khai của T về việc T có sử dụng trái phép chất ma túy trong tháng 5/2025, tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T ngày 09/10/2025 (xét nghiêm dương tính với ma túy ngày 12/10/2025): Xét chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự. Công an xã Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi này.

Đối với người nam giới lái xe ôm mà T khai nhờ mua ma túy cho T vào ngày 09/10/2025: Do T không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ.

Đối với lời khai của bị cáo T về việc mua ma túy của Nguyễn Anh T1: Không có chứng cứ chứng minh nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để đề nghị xử lý đối với T1 là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị T2 là người đăng ký sim số điện thoại 0353821369 ngày 06/6/2019. Chị T2 khai chị đã làm rơi mất sim số điện thoại trên vào năm 2024, chị không quen biết T và T1. Do vậy cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với chị T2 là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/10/2025 đến ngày 18/10/2025. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày T đi chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A92, dung lượng 128 GB, màu xanh dương, lắp sim 1 số 0389941131, sim 2 số 0986851005; số IMEI 1: 862251053735151; số IMEI 2: 862251053735144; số seri 87e81e48.

(Tại thời điểm bàn giao điện thoại di động không lên nguồn, không kiểm tra được thông số kỹ thuật), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Túi niêm phong ký hiệu PS3: 24060357; đặc điểm: dán kín, có 03 loại chữ ký và 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh P. Kèm theo bản kết luận giám định số: 2652/K1-KTHS ngày 15/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh P và 0,275 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định chứa bên trong.

(Theo “Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng” ngày 02/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Phú Thọ).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND KV5 - Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CQ CSĐT; CQ Thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ;
- Công an xã Đoan Hùng;
- Phòng THADS KV5 - Phú Thọ;
- UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Linh